

Bản án số: 91/2021/DS-ST
Ngày: 08-7-2021
v/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hiếu

Ông Đặng Văn Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ánh Nguyệt là thư ký của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 08 tháng 7 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 21/2021/TLST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2021/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 06 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2021/QĐST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2021 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần K .

Trụ sở: Số 40 - 42 - 44 đường P, phường V, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ liên hệ: Số 158-160 đường L, quận K, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A- Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Trần Thương T - Chức vụ: Nhân viên hỗ trợ tín dụng - Chi nhánh Đà Nẵng (Văn bản ủy quyền số 38/UQ-CNĐN lập ngày 26/01/2021) (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Lê Đình L - Sinh năm: 1988 (Vắng mặt lần thứ hai, không có lý do)

Địa chỉ: K36/7 đường T, phường P, quận C, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần K (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng K), bảng tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 09/3/2017, ông Lê Đình L có ký với Ngân hàng TMCP K - Chi nhánh Đà Nẵng hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế KLB số 0418/17/TC/0500-4096 (hoặc là số 2017068000160) (bao gồm Giấy đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế và phụ lục 01 bản chấp nhận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Kienlong bank - các tài liệu được gọi chung là Hợp

đồng). Căn cứ vào thu nhập của ông Lê Đình L, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng với mục đích: Tiêu dùng cá nhân, ngày mở thẻ: ngày 09/3/2017, ngày hết hạn thẻ: ngày 09/3/2020, ngày giải ngân: ngày 18/3/2017, lãi suất 22%/năm. Về tài sản đảm bảo cho khoản vay: khách hàng mở thẻ tín dụng tín chấp nên không có tài sản bảo đảm. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông L đã sử dụng thẻ để thanh toán số tiền 75.750.000 đồng và đã thanh toán số tiền 60.766.333 đồng. Lần cuối cùng ông L thanh toán cho Ngân hàng là ngày 07/9/2017 với số tiền 16.333 đồng. Ông L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 06/10/2017. Mặc dù ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp và yêu cầu ông L có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về thời gian để ông L trả nợ, tuy nhiên ông L vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, Ngân hàng K đã khởi kiện ông Lê Đình L.

Tại phiên tòa ngày hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Buộc ông Lê Đình L phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền 74.012.981 đồng; trong đó: nợ gốc: 14.983.667 đồng, nợ lãi: 12.397.652 đồng, phí phạt chậm trả: 23.625.347 đồng, phí vượt hạn mức: 22.756.315 đồng, phí thường niên: 250.000 đồng (tính đến ngày 08/7/2021) và ông L phải tiếp tục chịu lãi từ ngày 09/7/2021 cho đến khi thanh toán dứt điểm nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

Đối với bị đơn ông Lê Đình L: Mặc dù ông L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải (2 lần), Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông L vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/01/2021 thì nguyên đơn Ngân hàng K yêu cầu bị đơn ông Lê Đình L trả số tiền nợ vay theo Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 09/3/2017 với mục đích là vay tiêu dùng. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng, quan hệ pháp luật là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn có địa chỉ tại: K36/7 đường T, phường P, quận C, thành phố Đà Nẵng. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp phát sinh giữa Ngân hàng K và ông Lê Đình L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[1.3] Bị đơn ông Lê Đình L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Long.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với tổng số tiền 74.012.981 đồng; trong đó: nợ gốc: 14.983.667 đồng, nợ lãi: 12.397.652 đồng, phí phạt chậm trả: 23.625.347 đồng, phí vượt hạn mức: 22.756.315 đồng, phí thường niên: 250.000 đồng (tính đến ngày 08/7/2021), HĐXX nhận thấy:

[2.1] Ngày 09/3/2017, giữa ông Lê Đình L và Ngân hàng K có ký kết Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 0418/17/TC/0500-4096 (hoặc là số 2017068000160) để vay số tiền 15.000.000 đồng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thẻ tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự. Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết có hình thức và nội dung phù hợp với các Điều 117, 398, 401 và 463 Bộ luật Dân sự nên có hiệu lực đối với các bên đã tham gia giao dịch. Các chứng cứ mà nguyên đơn xuất trình như Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế và phụ lục 01 bản chấp nhận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Kienlong bank là có cơ sở để xác định ông L có quan hệ tín dụng với Ngân hàng K

[2.2] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu buộc ông L thanh toán cho Ngân hàng K tổng số tiền 74.012.981 đồng; trong đó: nợ gốc: 14.983.667 đồng, nợ lãi: 12.397.652 đồng, phí phạt chậm trả: 23.625.347 đồng, phí vượt hạn mức: 22.756.315 đồng, phí thường niên: 250.000 đồng (tính đến ngày 08/7/2021) và phải tiếp tục chịu lãi kể từ ngày 09/7/2021 cho đến khi thanh toán xong. HĐXX xét thấy: Sau khi được cấp thẻ và giải ngân, trong quá trình thực hiện hợp đồng ông L đã sử dụng thẻ để thanh toán số tiền 75.750.000 đồng và đã thanh toán thẻ số tiền 60.766.333 đồng. Lần cuối cùng ông thanh toán cho Ngân hàng là ngày 07/9/2017 với số tiền 16.333 đồng. Như vậy, bị đơn ông L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm thỏa thuận giữa ông và Ngân hàng K. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng K đối với ông L là có cơ sở và phù hợp với các điều khoản trong Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 09/3/2017, trong phụ lục 01 bản chấp nhận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Kienlong bank cũng như phù hợp với quy định tại Điều 91 và khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên HĐXX chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Lê Đình L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $5\% \times 74.012.981 = 3.700.649$ đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 26, 35, 39, 227, 228, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 117, 398, 401 và 463 Bộ luật Dân sự;
- Điều 91, khoản 1 Điều 95 và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;
- Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.
- Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần K về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" đối với ông Lê Đình L.

2. Buộc ông Lê Đình L phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K tổng số tiền 74.012.981 đồng; trong đó: nợ gốc: 14.983.667 đồng, nợ lãi: 12.397.652 đồng, phí phạt chậm trả: 23.625.347 đồng, phí vượt hạn mức: 22.756.315 đồng, phí thường niên: 250.000 đồng (tính đến ngày 08/7/2021).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Đình L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.700.649 đồng (Ba triệu bảy trăm nghìn sáu trăm bốn mươi chín đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K số tiền tạm ứng án phí 1.586.000 đồng (Một triệu năm trăm tám mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008663 ngày 23/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng dấu

Ngô Thị Thanh Tuyền